

Bản án số: 386/2022/HS-PT
Ngày: 15/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tiến** và ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Quang Hiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 293/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo **Lê Thị H, Võ Thị Ngọc A** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2196/2022/QĐXXPT-HS ngày 25/8/2022.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị H; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 25/10/1997 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Đình T (sinh năm 1970) và bà Lê Thị S (đã chết); Có chồng Lê Bùi Quốc T (sinh năm 1994) và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt ngày **13/10/2020**, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thị Ngọc A; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/3/1995 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở trước khi bị bắt: phòng trọ số 01, hẻm 108/5 đường M, thuộc quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch:

Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ S (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1972); Có chồng Phạm Minh T (sinh năm 1993) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt ngày **13/10/2020**, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H:** Ông Thái Quốc V, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của Tòa án.

- **Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Ngọc A:** Ông Chế Giang S, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của Tòa án.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 13 tháng 10 năm 2020, tại Đồn Biên phòng H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Đoàn Đặc nhiệm, phòng chống ma túy và tội phạm Miền Trung, Bộ đội biên phòng (Đoàn 2) phối hợp Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng và Đồn Biên phòng H tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: Lê Thị H và Võ Thị Ngọc A, về hành vi Vận chuyển trái phép chất ma túy.

+ **Tang vật thu giữ của Lê Thị H gồm:**

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen, gắn sim số: 0707.012.567.
- 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, gắn sim số: 0775.545.243.
- Số tiền: 15.100.000 (mười lăm triệu một trăm ngàn đồng chẵn).

+ **Thu giữ của Võ Thị Ngọc A gồm:**

- 01 (một) gói ni lông màu xanh nhạt có in chữ Trung Quốc, bên trong có túi ni lông màu trắng chứa các tinh thể màu trắng, được niêm phong theo quy định, **ký hiệu M.**

- 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng xám, gắn sim số: 0779.477.209.

- 01 (một) ba lô màu đỏ - đen.

- 01 (một) giấy CMND số: 201719790 mang tên Võ Thị Ngọc A.

- Số tiền 915.000 (Chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Lúc 23 giờ 10 phút ngày 13/10/2020, Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền Trung, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Võ Thị Ngọc

A, tại phòng trọ quận L, thành phố Đà Nẵng. Qua khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Lúc 10 giờ 50 phút ngày 14/10/2020 Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền Trung, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Thị H, tại tổ 49, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Qua khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Kết luận giám định số: 307/GĐ-MT ngày 16.10.2020 của Phòng KTHS-CATP Đà Nẵng kết luận:

- Mẫu các hạt tinh thể màu trắng trong hộp niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng M: **1001,33 gam**.

Qua điều tra xác định:

Ngày 11/10/2020, Lê Thị H điện thoại rủ Võ Thị Ngọc A đi đến huyện Q , tỉnh Nghệ An để mua ma túy đem về Đà Nẵng, A đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày H, A đón xe khách từ Đà Nẵng ra Nghệ An. Khi đến thành phố V, tỉnh Nghệ An thì H và A đón xe Grab (không rõ biển số xe) đi huyện Q , tỉnh Nghệ An. Khi đến nơi A, H đến nhà người quen của H1 (không rõ nhân thân, lai lịch, không rõ địa chỉ) nghỉ ngơi. Tối ngày 12/10/2020 H1 đến đưa cho H 01 (một) gói ma túy. H bỏ gói ma túy vào ba lô đỏ - đen nhưng H1 nói không an toàn và lấy gói ma túy ra bỏ vào túi xách của H nhưng không vừa, sau đó H1 bỏ gói ma túy vào túi xách của A. Tại đây, H đưa trước cho H1 số tiền: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đồng thời chuyển khoản 20.000.000đ cho H1 qua số tài khoản tại ngân hàng A Tây Nghệ An 3614205113214 do Vi Thị Phương (sinh năm: 1996, trú Thị trấn K, huyện Q , tỉnh Nghệ An) chủ tài khoản.

Sau khi có ma túy Lê Thị H và Võ Thị Ngọc A sử dụng xe máy (không rõ biển số) của H1 đưa, H cầm túi xách của A có chứa ma túy đeo trên vai, còn A mang túi xách của H và ba lô để phía trước xe máy. A chở H đi theo một thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) dẫn đường ra Trung tâm huyện Q , tỉnh Nghệ An để đón xe khách về Đà Nẵng. Trên đường đi, A và H phát hiện có chốt Cảnh sát giao thông tuần tra trên đường nên cả hai quay lại thuê nhà nghỉ X (không rõ địa chỉ) để nghỉ ngơi.

Rạng sáng ngày 13.10.2020, Lê Thị H đón xe Grab (không rõ biển số) xuống Quốc lộ 1A để về lại Đà Nẵng, trên đường đi Lê Thị H lấy gói ma túy trong túi xách của A bỏ vào ba lô màu đỏ đen đựng quần áo. Khi xe Grab đến địa bàn huyện D, tỉnh nghệ An thì A và H đón xe khách về lại Đà Nẵng. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi xe khách (không nhớ biển số) đến ngã ba đường tránh thuộc tổ 8, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thì H, A xuống xe khách, chờ đón taxi về nhà thì bị Bộ đội Biên phòng phát hiện bắt giữ. .

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Thị H** và **Võ Thị Ngọc A** phạm tội “***Mua bán trái phép chất ma túy***”

1. Căn cứ điểm e khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lê Thị H** Tù chung thân Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 13/10/2020.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lê Thị H số tiền 15.000.000 đồng.

2. Căn cứ điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Võ Thị Ngọc A** 20 (Hai mươi) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/10/2020.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Võ Thị Ngọc A số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 10/6/2022, các bị cáo Lê Thị H và Võ Thị Ngọc A có đơn kháng cáo với nội dung án sơ thẩm xử mức hình phạt chung thân và 20 năm đối với các bị cáo là quá nặng. Các bị cáo xin kháng cáo để xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Võ Thị Ngọc A rút đơn kháng cáo; bị cáo Lê Thị H thừa nhận án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, nhưng bị cáo có chồng cũng đang bị giam giữ, hai con còn nhỏ dại, hoàn cảnh khó khăn, nên bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt. Luật sư Hồ Thị Hương Sen bào chữa cho bị cáo H thừa nhận luật sư và bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Tuy nhiên bị cáo biết ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo nhận tội; hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, cha mẹ già yếu, chồng đang bị giam giữ không ai nuôi hai con nhỏ dại, trong đó có một con bị khuyết tật; nên đề nghị xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo A; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và ý kiến bào chữa của luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì các tình tiết giảm nhẹ trên đã được cấp sơ thẩm xem xét. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Ngọc A tự nguyện rút toàn bộ Đơn kháng cáo; HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo; bản án sơ thẩm đối với bị cáo Võ Thị Ngọc A có hiệu lực pháp luật. Bị cáo Lê Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai của những người có liên quan, làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: vào tối ngày 12/10/2020, các bị cáo H và A mua của Vi Văn H1 tại K, Q, Nghệ An 01 gói ma túy nhằm mục đích bán lại kiếm lời; trên đường mang ma túy về thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang tại ngã ba đường tránh thuộc tổ 8, phường H, quận Liên chiểu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ kết luận giám định số 307/GĐ-MT ngày 16/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an thành phố Đà Nẵng, có kết quả: mẫu các hạt tinh thể rắn màu trắng là ma túy loại Ketamine có khối lượng 1001,33 gam. Với hành vi như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo Lê Thị H tù chung thân, bị cáo Võ Thị Ngọc A 20 năm tù cùng về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị H xin giảm nhẹ hình phạt; HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 251 BLHS:” *“các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên”* thì sẽ bị xét xử ở khung hình phạt từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Bị cáo H thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 1.001,33 gam, gấp hơn 3 lần quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, chồng đang bị giam giữ, các con nhỏ dại, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Đồng thời căn cứ vào vai trò, vị trí của bị cáo H cao hơn bị cáo A xử phạt bị cáo H tù chung thân. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo H; các tình tiết mà các bị cáo và luật sư nêu ra đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng, nên không được xem xét lại. Vì vậy HĐXX thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tuyên bố: bị cáo **Lê Thị H** phạm tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**

1. Căn cứ điểm e khoản 4 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Thị H tù chung thân Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 13/10/2020.

- Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lê Thị H số tiền 15.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Võ Thị Ngọc A.** Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2022/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo A.

2. Bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (15/9/2022).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng ;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng ;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố Đà Nẵng
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường